

SÁNG CHẾ VÀ HỢP LÍ HÓA Ở NƯỚC TA

PHẠM HOÀNG

Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật với sự phát triển mạnh mẽ trên qui mô rộng lớn, với những bước tiến vượt bậc đã làm thay đổi cơ bản vai trò xã hội của khoa học kĩ thuật. Khoa học, kĩ thuật trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội. Một trong những yếu tố rất quan trọng của cuộc cách mạng đó đã tác động tới việc phát triển kinh tế, khoa học kĩ thuật là hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lí hóa, một nguồn làm ra của cải xã hội, sản phẩm của lao động, một loại đối tượng mang bản chất thông tin luôn luôn phát triển có tính kế thừa và có khả năng thực hiện lặp lại... Vì vậy, nó đòi hỏi phải có thêm những tác động khác như: tiến hành bảo vệ bằng luật pháp, và bảo vệ quyền tác giả để bảo đảm và khuyến khích các hoạt động sáng tạo, làm cho nó luôn luôn nảy nở và được tổ chức quản lí, sử dụng phù hợp với đặc điểm của một quan hệ sản xuất, một trình độ sản xuất nhất định. Xác định mục tiêu, phương hướng và tạo những điều kiện, những yếu tố kích thích sáng tạo ra những tri thức mới, tiến hành thông tin và lưu trữ một cách có hệ thống trở thành một hoạt động rộng rãi và có tính chất kế hoạch ngày càng cao. Ngay từ thế kỉ 16 và 17, hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lí hóa và công tác quản lí nó đã được các nước công nghiệp trên thế giới quan tâm. Do sản xuất và khoa học, kĩ thuật phát triển nhanh trên qui mô lớn, các thành tựu khoa học, kĩ thuật trở thành một loại hàng hóa trao đổi, quan hệ kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học — kĩ thuật giữa các nước được mở rộng; sự cạnh tranh xuất khẩu trên thế giới ngày càng tăng..., nên công tác này đã từ phạm vi quốc gia lan ra

phạm vi quốc tế. Một trong những sự kiện có ý nghĩa nhất của hoạt động này là sự ra đời của công ước Pari năm 1883 qui định thống nhất sự bảo hộ quốc tế quyền sở hữu công nghiệp để tránh những sự xâm phạm đến quyền sở hữu đó. Đặc biệt, từ những năm 50 trở lại đây, với cuộc cách mạng kĩ thuật lần thứ hai, công tác quản lí hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lí hóa ngày càng có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển khoa học — kĩ thuật, tới việc xác định phương hướng cho các công tác khoa học kĩ thuật dựa trên những thành tựu liên tiếp đã có. Người ta coi các bằng sáng chế là loại thông tin thực tế và chính xác, chứa đựng tất cả những giải pháp kĩ thuật mới, là phương tiện tuyệt diệu để liên lạc giữa các lĩnh vực khoa học — kĩ thuật khác nhau, tránh được những bước đi vòng, trùng lặp trong nghiên cứu, giảm vốn đầu tư, tiết kiệm tiền của và cho phép rút ngắn được thời gian nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm, tạo điều kiện phổ cập nhanh vào sản xuất những sản phẩm hoàn chỉnh, những phương pháp sản xuất có hiệu quả nhất, nâng cao trình độ khoa học kĩ thuật chung trong cả nước. Theo số liệu của Ủy ban phát minh — sáng chế Liên-xô thì cứ một rup đầu tư vào sản xuất, mang lại 3,5 rup lãi, còn vào nghiên cứu và phát triển lãi 6,5 rup, riêng vào sáng chế hợp lí hóa lãi 9 rup. Hằng năm, hoạt động phát minh sáng chế hợp lí hóa làm lợi cho Nhà nước Liên-xô 2,5 — 3 tỉ rup. Ở các nước khác như Tiệp-khắc, hiệu quả kinh tế hằng năm là 2,5 tỉ cuaron, Cộng hòa dân chủ Đức đạt trên 3 tỉ mac... Hoạt động phát minh — sáng chế không chỉ tác động đến nâng cao năng suất lao động, đến hiệu quả kinh tế, đến tiến bộ khoa học

kỹ thuật, mà còn chi phối trực tiếp cả lĩnh vực ngoại thương. Muốn mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, không có con đường nào khác là phải hết sức quan tâm đến việc đưa nhanh những thành tựu khoa học — kỹ thuật, những phát minh khoa học, sáng chế kỹ thuật, đề án cải tiến vào sản xuất để mang lại những sản phẩm mới tiến hơn về số lượng, chất lượng, với giá thành hạ. Ví dụ, người ta nhận thấy rằng trong ngành cơ khí nếu thông số kỹ thuật hạ độ 10% so với tiêu chuẩn quốc tế, giá bán sẽ giảm khoảng 40 — 50%. Ngược lại, thông số kỹ thuật tăng 10% thì giá bán tăng 20 — 30%. Do có tầm quan trọng như vậy nên hầu hết ở các nước mới giành được độc lập, những nước đang xây dựng nền công nghiệp hiện đại, từ các nước tư bản đến các nước xã hội chủ nghĩa, hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lý hóa và việc quản lý nó đã trở thành một trong những công cụ quan trọng, một chính sách khoa học kỹ thuật của nhà nước để thúc đẩy kinh tế, khoa học kỹ thuật phát triển. Đối tượng của hoạt động này nói chung bao gồm: phát minh, sáng chế, đề nghị hợp lý hóa, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và trong những năm gần đây người ta còn nói đến đối tượng « know how » (Know how là những bí quyết trong kỹ thuật kỹ xảo trong sản xuất, thể hiện trình độ chuyên môn, tính kinh nghiệm cao của người sản xuất hoặc nước sản xuất thuộc về một công nghệ sản xuất nào đó). Tuy nhiên, tùy theo chế độ xã hội, đặc điểm, trình độ kinh tế, khoa học — kỹ thuật từng nước mà đối tượng quản lý, cách thức tổ chức và cả tên gọi công tác này cũng có khác nhau. Có nước quản lý đối tượng phát minh ngay khi phát minh còn chưa có khả năng ứng dụng vào công nghiệp, có nước chỉ quản lý những phát minh có khả năng áp dụng vào sản xuất. Một số lớn nước không đề ra việc quản lý phát minh, vì họ coi phát minh khi có khả năng áp dụng vào công nghiệp để sản xuất một loại sản phẩm mới thì sản phẩm mới ấy được bảo vệ dưới dạng một sáng chế. Đối với kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa thường được quản lý như hình thức một sáng chế (nhưng không phải là sáng chế) nhằm chống bắt chước, chống giả mạo một loại hàng hóa công nghiệp nào đó để bảo vệ độc quyền sản xuất loại hàng hóa này và độc chiếm thị trường tiêu thụ. Đối tượng hợp lý hóa ở phần lớn các nước tư bản ít được chú ý quản lý, nhưng ở các nước xã hội chủ nghĩa thì được đặc biệt quan tâm, quản lý chặt chẽ, khuyến khích phát triển bởi hoạt động này mang tính

chất quần chúng sâu rộng do những người trực tiếp sản xuất tiến hành nên có thể phát hiện, và giải quyết nhanh chóng, nhiều vấn đề mà sản xuất đòi hỏi phải có những giải pháp thích ứng đưa nhanh những thành quả của nó vào sản xuất, với vốn đầu tư ít, trên qui mô có lợi nhất, và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện nội dung quản lý các đối tượng trên, nhiều nước đã có một hệ thống biện pháp hoàn chỉnh: xây dựng hệ thống pháp chế và xác lập bộ máy chức năng chuyên trách nhà nước từ trung ương đến cơ sở. Việc bảo hộ bằng luật pháp nhà nước các « sản phẩm trí tuệ » trên cơ sở những luật về phát minh sáng chế, hợp lý hóa, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa được thể hiện cụ thể dưới hai hình thức: cấp bằng và giấy chứng nhận tác giả. Ở hình thức thứ nhất, tác giả được cấp bằng có toàn quyền sử dụng sáng chế của mình, có thể tự áp dụng kết quả vào sản xuất, bán hoặc nhượng lại bản quyền sử dụng cho người khác và hằng năm nộp thuế cho Nhà nước. Ở hình thức thứ hai, việc sử dụng các sáng chế được giao cho nhà nước, tác giả được thưởng theo qui định của nhà nước khi các sáng chế đó được áp dụng vào sản xuất và được miễn thuế. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, do mục đích cạnh tranh và bóc lột lợi nhuận nên nhà nước chủ yếu tập trung vào việc bảo hộ bằng luật pháp đối với các đối tượng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, nhấn mạnh đến quyền tác giả khi sử dụng những đối tượng đó, nhằm biến chúng thành những đối tượng chủ yếu của sở hữu tư nhân. Các bằng sáng chế được buôn bán, trao đổi như các thứ hàng hóa khác, bảo đảm cho các công ti tư bản có điều kiện thuận lợi độc quyền sử dụng. Do đó, hầu hết các nước tư bản chỉ sử dụng hình thức cấp bằng mà không áp dụng hình thức cấp giấy chứng nhận tác giả. Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, tồn tại cả hai hình thức, nhưng khuyến khích việc cấp giấy chứng nhận tác giả. Đi đôi với công tác pháp chế, các nước nói chung đều hình thành một tổ chức hoàn chỉnh: thành lập ủy ban, cục hoặc viện sáng chế phát minh trực thuộc hội đồng chính phủ hoặc hội đồng bộ trưởng với hệ thống chân rết từ trung ương đến bộ, từ thành phố xuống các cơ sở kinh tế (đối với các nước xã hội chủ nghĩa), cơ quan sở hữu công nghiệp, cơ quan nghiên cứu sử dụng và cấp bằng sáng chế (ở các nước tư bản chủ nghĩa) để chỉ đạo và quản lý toàn diện hoạt động này, đảm nhận chức năng thay mặt nhà nước bảo hộ bằng

luật pháp các thành tựu khoa học kĩ thuật, tổ chức việc đăng kí xác minh công nhận các phát minh sáng chế, đề xuất những chính sách, chế độ quản lí các đối tượng hoạt động này một cách có hiệu quả nhất, xây dựng, thu thập nhanh những sáng chế mới của nước ngoài để sử dụng tốt nhất và có lợi nhất vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân. Cùng với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, trình độ quản lí hoạt động phát minh, sáng chế hợp lí hóa ở các nước ngày càng được nâng cao và hoàn thiện, nắm và xử lí được các phát minh sáng chế, xử lí thông tin nhanh đầy đủ chính xác trước một giải pháp kĩ thuật mới. Hệ thống thông tin khoa học, thông tin patăng (thông tin sáng chế) được chú ý xây dựng toàn diện với các phương tiện hiện đại để tránh trùng lặp trong nghiên cứu và vi phạm quyền tác giả. Việc phổ biến và áp dụng rất kịp thời, rộng rãi góp phần rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ứng dụng. Các thư viện tư liệu sáng chế phát minh được thành lập để giúp việc tiến hành kiểm nghiệm chính xác tính chất mới lạ của các đối tượng xin đăng kí, giúp cho các nhà khoa học, các nhà sáng chế, các nhà hợp lí hóa những tài liệu, những tin tức, những bản mô tả sáng chế cần thiết liên quan đến đề tài mà mình đang quan tâm nghiên cứu, giúp các ngành các cơ sở kinh tế và khoa học kĩ thuật những phương hướng phát triển kinh tế và khoa học — kĩ thuật chung, làm cơ sở xây dựng kế hoạch ngắn và dài hạn, cung cấp các phương pháp luận về khoa học quản lí công tác phát minh sáng chế hợp lí hóa. Lí thuyết về công tác sáng chế hợp lí hóa được tăng cường giảng dạy trong các trường trung học đại học, nhằm đào tạo một đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật giỏi về nghiệp vụ và trình độ chuyên môn có khả năng giúp nhà nước xác định những chính sách có tính chất chiến lược ở lĩnh vực khoa học kĩ thuật này của đất nước. Quan hệ hợp tác giữa các nước ngày được mở rộng dưới nhiều hình thức. Trao đổi các bản mô tả sáng chế, phát minh, mua bán quyền sử dụng sáng chế trao đổi kinh nghiệm và đào tạo cán bộ...

Ở nước ta, hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lí hóa và công tác tổ chức quản lí hoạt động này lại càng có ý nghĩa. Xuất phát từ đường lối quản chúng và đặc điểm cụ thể của sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng đã chỉ rõ: « phải thúc đẩy phong trào cải tiến kĩ thuật, sáng chế phát minh trong

quần chúng, phát động lực lượng vĩ đại của quần chúng tham gia công cuộc xây dựng và phát triển khoa học » (1). Nảy sinh ra từ việc hưởng ứng lời kêu gọi thi đua yêu nước của Hồ Chủ tịch trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lí hóa ở nước ta mà thực chất mới là những đề nghị hợp lí hóa, thường quen gọi là những sáng kiến cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác ngày càng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng, đã trở thành một trong những nội dung chính của phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, góp phần thúc đẩy tiến bộ khoa học kĩ thuật, thúc đẩy quá trình sản xuất từ phương thức thủ công lên nửa cơ khí và cơ khí hóa, thúc đẩy những người lao động tiến lên làm chủ kĩ thuật trong nghề nghiệp, tạo nên những mẫu mực mới về năng suất lao động. Đặc biệt trong cuộc chiến tranh chống phá hoại của đế quốc Mĩ, ở một chừng mực nhất định, hoạt động hợp lí hóa đã góp phần khắc phục khó khăn bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu, tăng tiềm lực quốc phòng tạo điều kiện thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước ở một số ngành, một số bộ với hiệu quả kinh tế tiết kiệm, tương đối lớn. Tuy nhiên, so với khả năng của quần chúng thì kết quả còn ít ỏi. Sáng tạo của quần chúng dồi dào phong phú nhưng sự phấn đấu của những người và những tổ chức có trách nhiệm làm tiền đề thúc đẩy cho hoạt động này phát triển còn bị hạn chế. Mặt khác, do đặc điểm của sản xuất, trình độ khoa học kĩ thuật và tổ chức quản lí còn thấp nên đến nay hoạt động phát minh, sáng chế — hợp lí hóa vẫn chưa đáp ứng được một cách đầy đủ những yêu cầu do thực tiễn đòi hỏi với khả năng nó có thể mang lại.

Hiện nay, sau thắng lợi vĩ đại và hoàn toàn của cuộc chiến tranh yêu nước, bước vào thời kì khôi phục, xây dựng và phát triển kinh tế, nhiều vấn đề đang được đặt ra cần phải giải quyết. Nhưng có một việc hết sức có ý nghĩa là làm sao tăng nhanh năng suất lao động của toàn xã hội, tăng được khối lượng và chất lượng sản phẩm để vừa đáp ứng được nhu cầu trước mắt của sản xuất và đời sống, vừa có tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Riêng lĩnh vực hoạt động phát minh, sáng chế — hợp lí hóa, hơn lúc nào hết, phải được tăng cường lãnh đạo, tổ chức, quản lí. Trước hết phải đẩy

(1) Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3, tập I, trang 75. « Sự thật » Hà-nội, 1960.

mạnh việc tổ chức và quản lý các đối tượng sáng chế và hợp lý hóa, làm cho nó ngày một phát triển, mang lại hiệu quả cao hơn, nhất là hiệu quả kinh tế và tiến bộ kỹ thuật.

Trong điều kiện hiện nay về trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức, quản lý, việc nhập kỹ thuật, còn có những khó khăn, việc nghiên cứu và triển khai kết quả nghiên cứu trong các cơ quan khoa học kỹ thuật chính qui đang còn hạn chế, nên một vấn đề quan trọng được đặt ra là phải làm sao cho các đề nghị hợp lý hóa nảy nở ngày càng nhiều, nội dung ngày càng sát với yêu cầu sản xuất, công tác. Các đề nghị hợp lý hóa đều được trao cho Nhà nước và tập thể sử dụng, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế cần nắm kịp thời và đầy đủ các đề nghị hợp lý hóa để có thể khai thác sử dụng nhanh chóng, hợp lý vào thực tiễn một cách ổn định và rộng rãi.

Mặt khác, muốn công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và cải tạo kỹ thuật một cách cơ bản thì không thể dừng ở các đề nghị hợp lý hóa mà nhất thiết phải có sáng chế vì các sáng chế có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển khoa học kỹ thuật và sản xuất. Thực tế ở nước ta trong những năm qua, sáng tạo bước đầu có nội dung của một sáng chế đã xuất hiện ở các trường đại học, các viện nghiên cứu, ở một số cơ sở sản xuất. Những sáng tạo này, có thể không hoàn toàn mới đối với thế giới nhưng mới đối với nền sản xuất của ta, đã tạo nên những sản phẩm mới và đã được sử dụng trong các ngành sản xuất. Do đó, cần quản lý và tổ chức sử dụng một cách hợp lý các sáng chế đó để tạo nên những nhân tố mới thúc đẩy khoa học kỹ thuật của nước ta. Kinh nghiệm thế giới cho thấy rằng, sáng tạo trong lĩnh vực này thường làm nảy sinh nhiều sáng tạo trong các lĩnh vực khác do nhu cầu đòi hỏi hoặc do những nguyên tắc mới mà sáng tạo ban đầu đã gợi ý ra.

Thực hiện những yêu cầu trên đòi hỏi chúng ta phải xây dựng những tiền đề, vững chắc trong chỉ đạo và quản lý. Một trong những vấn đề hàng đầu là việc tạo cho được sự biến chuyển sâu sắc trong cách nhìn nhận đánh giá vai trò tích cực của hoạt động sáng chế — hợp lý hóa trong việc phát triển kinh tế ở mọi cấp lãnh đạo cũng như người lao động từ đó dẫn đến sự tác động tích cực trở lại cho bước phát triển thật rộng khắp — đồng đều và sôi nổi, thật sự trở thành một nhân tố tích cực ngày một lớn trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất công tác, một yếu tố không thể thiếu trong việc tăng nhanh năng suất lao động và đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật

của từng ngành, từng cơ sở. Đồng thời nắm được và bảo đảm sử dụng được các sáng chế và đề nghị hợp lý hóa với khối lượng khổng lồ tăng lên là một trong những điều kiện trọng yếu có ý nghĩa như một tiền đề trực tiếp, một nhân tố tích cực động viên mọi người lao động phát huy sáng tạo, vươn tới những thành tựu cao hơn và tham gia ngày càng đông đảo hơn.

Đối tượng hợp lý hóa sản xuất hiện ở nước ta từ trong kháng chiến chống Pháp, nhưng hoạt động phát minh — sáng chế — hợp lý hóa nói chung mới thật sự được quan tâm trong những năm gần đây. Là một lĩnh vực công tác hết sức mới mẻ với nội dung và phương pháp nghiệp vụ phức tạp có nhiều nét đặc thù riêng, hiện tại, chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm và đang trong thời kỳ vừa tìm hiểu vừa xây dựng kết hợp với tiếp thu trên thực tiễn kinh nghiệm quản lý của các nước anh em để dần dần xây dựng hoàn chỉnh về tổ chức, về phương pháp luận, không những đủ khả năng đảm đương mọi chức năng trong việc quản lý chỉ đạo đối tượng hợp lý hóa mà còn chuẩn bị gấp rút cơ sở cho việc quản lý những đối tượng mới như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa đang và sẽ xuất hiện như cũ trong tương lai.

Nhiều năm qua, việc quản lý các đề nghị hợp lý hóa (sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất) tuy đã bước đầu triển khai, nhưng trong phương thức và biện pháp quản lý chưa hình thành thành một hệ thống pháp chế Nhà nước cho lĩnh vực này, mà mới chỉ đạo như một « phong trào » nên hoạt động này chưa toàn diện và tập trung, có tình trạng tùy tiện, phân tán, gây lãng phí suy nghĩ sáng tạo của quần chúng. Do đó, trọng tâm trước mắt là xây dựng cơ sở pháp lý, đưa việc quản lý các sáng chế và đề nghị hợp lý hóa vào nền nếp có tổ chức, có chỉ đạo và kế hoạch hóa dựa trên điều lệ của Nhà nước về quản lý hợp lý hóa và sáng chế. Trong việc xây dựng điều lệ trên cần phải giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

— Xác định rõ việc quản lý những đối tượng này là một nhiệm vụ, một phần không thể tách rời của công tác quản lý sản xuất, quản lý khoa học kỹ thuật đối với các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất.

— Khái niệm sáng chế theo qui định của thế giới là một giải pháp mới, về cơ bản, có tính chất kỹ thuật đối với một nhiệm vụ bất kỳ nào đó trong hoạt động kinh tế, khoa học, văn hóa, i tế, quốc phòng và mang lại một hiệu quả tốt. Đề phù hợp với trình độ khoa học kỹ

thuật và khả năng tổ chức quản lý hiện nay, khái niệm về tính chất mới của sáng chế được xét trong phạm vi Việt-nam, không so với trình độ quốc tế như các nước qui định.

— Trong quản lý hiện nay, ta vẫn còn tách cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất thành hai dạng khác nhau; cần thống nhất chúng thành một đối tượng chung là đề nghị hợp lý hóa như thế giới thường gọi. Đó là những giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp tổ chức cụ thể có tính chất mới trong phạm vi nhất định (cơ quan, xí nghiệp)... đề ra được những phương tiện và biện pháp để thực hiện và khi thực hiện sẽ đem lại một hiệu quả thiết thực cho cơ quan xí nghiệp nhận đăng ký.

— Tiến hành bảo hộ bằng luật pháp và bảo vệ quyền tác giả (cá nhân và tập thể) đối với sáng chế, hợp lý hóa dưới hình thức cấp giấy chứng nhận tác giả cho người có sáng chế, có đề nghị hợp lý hóa kèm theo những quyền lợi vật chất và tinh thần khác khi sáng chế hoặc đề nghị hợp lý hóa của họ được áp dụng vào sản xuất. Quyền sử dụng các sáng tạo trí tuệ đó sẽ do Nhà nước nắm giữ và quyết định. Giải quyết đúng đắn vấn đề này sẽ tránh được sự trùng lặp trong nghiên cứu, sự tranh chấp quyền tác giả ban đầu của các đề tài, tạo nên sự phấn khởi trong nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo mới.

— Qui định những thủ tục cụ thể về quản lý sáng chế — hợp lý hóa từ khâu làm và nộp đơn, xét nghiệm, công nhận hay từ chối.

— Qui định các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động sáng chế — hợp lý hóa cũng như chi phí cho việc hoàn thiện thí nghiệm và áp dụng những kỹ thuật mới, thông tin, triển lãm sáng chế — hợp lý hóa. Các khoản chi phí này lấy ra từ tiền làm lợi do áp dụng trong sản xuất các sáng chế và đề nghị hợp lý hóa.

— Qui định trách nhiệm và quyền hạn cụ thể của cơ quan chức năng ở trung ương trong việc quản lý thống nhất hoạt động sáng chế — hợp lý hóa trong phạm vi toàn quốc và trực tiếp quản lý đối tượng sáng chế, tổ chức đăng ký xét nghiệm, công nhận một sáng chế, xét cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận sáng chế, giải quyết các qui phạm quyền tác giả sáng chế, công bố các sáng chế, kiểm tra việc áp dụng sáng chế vào sản xuất v.v... Qui định tổ chức, trách nhiệm, quyền hạn và chức năng cụ thể cho các tổ chức quản lý hoạt động sáng chế, hợp lý hóa ở Bộ, địa phương, trực tiếp chỉ đạo quản lý các đề nghị hợp lý hóa, lập kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện đưa các sáng chế, đề nghị hợp lý hóa vào sản xuất, tổ chức thông tin sáng chế — đề nghị hợp lý hóa

chuyên ngành (địa phương), đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý sáng chế — hợp lý hóa thuộc ngành (địa phương). Trên cơ sở quản lý có phân cấp như vậy mới tạo nên một sự nhất quán và tập trung trong hoạt động và công tác ở lĩnh vực này.

Yêu cầu phát triển của công tác sáng chế — hợp lý hóa ngày một cao nhưng hệ thống tổ chức chưa hình thành ở các cấp. Lực lượng cán bộ quá ít, lại yếu nghiệp vụ nên trong quản lý và chỉ đạo hoạt động sáng chế — hợp lý hóa còn bị nhiều hạn chế. Là một công tác phức tạp có nội dung phong phú, có quan hệ và tác động đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành khác nhau chứa đựng sâu sắc tính chất khoa học kỹ thuật, đồng thời cũng mang tính chất khoa học xã hội, do đó hệ thống tổ chức chuyên môn làm công tác sáng chế, hợp lý hóa từ trung ương đến các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất và nghiên cứu bức thiết phải được tăng cường xây dựng và củng cố. Trước hết, cơ quan chức năng ở trung ương phải gấp rút được xây dựng tổ chức với một thể hoàn chỉnh để phù hợp với thực tiễn đang đặt ra, làm lực lượng nòng cốt, có trách nhiệm nghiên cứu hướng dẫn thực hiện công tác sáng chế — hợp lý hóa trong sản xuất và nghiên cứu thuộc phạm vi toàn quốc. Đồng thời chú ý xây dựng bộ phận quản lý sáng chế — hợp lý hóa ở các bộ, ngành, địa phương, từ đó hình thành và củng cố mạng lưới cán bộ chuyên trách công tác sáng chế và hợp lý hóa ở các cơ sở thuộc phạm vi cơ quan chủ quản phù hợp với đà phát triển của sản xuất và khoa học kỹ thuật ở nước ta hiện nay. Người cán bộ làm công tác sáng chế — hợp lý hóa trước hết phải có cách nhìn nhận đúng và thấy hết tầm quan trọng, vị trí của công tác mình làm, không những có kiến thức khoa học kỹ thuật giỏi mà còn phải am hiểu vấn đề kinh tế, luật pháp, có trình độ khả năng tổng hợp tốt, có nhiệt tình hăng say, không ngại khó, đi sâu vào tìm hiểu nắm chắc chuyên môn công tác — một lĩnh vực chuyên sâu mới mẻ ở nước ta. Đó là những yêu cầu đối với người cán bộ làm công tác sáng chế — hợp lý hóa để đảm đương được chức năng của mình.

..

Tác dụng lớn lao của hoạt động phát minh sáng chế hợp lý hóa đã được khẳng định. Ở nhiều nước, công tác quản lý hoạt động đã trở thành một trong những vị trí hàng đầu của công tác quản lý khoa học kỹ thuật nhiều mặt.

(Xem tiếp trang 11)

học. Có những nơi có tiềm lực nhưng chưa thực đoàn kết với nhau nên đóng góp bị hạn chế. Trái lại, có những nơi biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác nhau, biết tôn trọng lẫn nhau, nên đã đạt được nhiều kết quả. Đây không chỉ là lý luận, mà là một kinh nghiệm sống của Trường trong nghiên cứu khoa học.

— Trong trường, hoạt động nghiên cứu khoa học muôn màu muôn vẻ, dễ rơi vào tản mạn, việc phối hợp rất cần thiết thì lại phức tạp khó khăn, nhiệm vụ chung (trung tâm khoa học kỹ thuật) có thể rõ ràng, nhưng nhiệm vụ cụ thể (đề tài) rất cơ động, thì vấn đề lãnh đạo và tổ chức phải đưa lên hàng đầu. Hơn các hoạt động khác, lãnh đạo không thể chỉ đưa ra phương hướng chung, mà phải dựa vào nhiệm vụ và đặc điểm của Trường thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, uốn nắn các hoạt động nghiên cứu khoa học. Hoạt động đều đặn của Hội đồng Khoa học các cấp rất cần thiết cho hoạt động nghiên cứu khoa học, nhưng Trường chưa thực hiện được. Trường cần có một phòng nghiên cứu khoa học mạnh, đầy tính năng động, làm bộ tham mưu tác chiến, có tác dụng lớn đối với phong trào nghiên cứu khoa học của trường.

..

Trường đại học Bách khoa mới tròn 19 tuổi. Hoạt động nghiên cứu khoa học lại còn trẻ hơn nhiều. Những năm đầu của Trường là những năm mò mẫm, xây dựng tổ chức, xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ, xây dựng ngành nghề, xây dựng nội dung đào tạo. Những năm liền sau năm 1960, nghiên cứu khoa học mới bắt đầu những bước đi chập chững. Trong hai cuộc chiến tranh phá hoại, nhờ sự lãnh đạo của Đảng, nhờ các chủ trương đúng đắn của Trường, nhờ sự nhiệt tình và cố gắng của các cán bộ trong Trường, nghiên cứu khoa học đã đạt được một số kết quả, và Trường đã tích lũy được một số kinh nghiệm. Những kinh nghiệm ấy rất quý và Trường rất trân trọng phát huy nó. Nhưng dù sao nghiên cứu

khoa học thời ấy cũng bị hạn chế, mang tính chất thời sơ tán, phân tán, chủ yếu tập trung phục vụ các yêu cầu cấp bách. Hoạt động nghiên cứu khoa học chính qui, trong điều kiện bình thường, thực ra chỉ mới bắt đầu được hai năm nay. Cho nên, các kinh nghiệm còn ít ỏi gồm kinh nghiệm làm tốt cũng như kinh nghiệm làm chưa tốt. Nhưng kinh nghiệm này mới chỉ là sơ bộ. Nó được rút ra từ hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đại học Bách khoa trong điều kiện cụ thể hiện nay, điều kiện bắt đầu phát triển mạnh mẽ công tác nghiên cứu chính qui của Trường. Những kinh nghiệm ấy còn cần phải qua nhiều thử thách. Với các điều kiện cụ thể khác, nhiều kinh nghiệm còn giữ nguyên giá trị, một số kinh nghiệm có thể cần phải bổ sung hay thay đổi. Cho nên, đây chỉ là những kinh nghiệm bước đầu. Với sự phát triển hơn nữa của hoạt động nghiên cứu khoa học, nhiều kinh nghiệm mới, sẽ nảy nở. Những kinh nghiệm ấy, cùng với kinh nghiệm các trường bạn, nhất định sẽ giúp cho phong trào nghiên cứu khoa học ở các trường đại học đi đúng hướng hơn, và đạt nhiều kết quả hơn nữa.

Mấy vấn đề về...

(Tiếp theo trang 5)

một bộ phận của chính sách khoa học kỹ thuật một yếu tố không thể tách rời của chính sách kinh tế. Ở nước ta, giải quyết những vấn đề trình bày trên cho hiện tại và tương lai là một yêu cầu lớn rất cần thiết đối với việc xây dựng và phát triển hoạt động sáng chế — hợp lý hóa nói riêng và quản lý kinh tế nói chung. Để có thể thực hiện và đáp ứng được những đòi hỏi đó, ngoài phía chủ quan phải có sự tác động phản đầu của phía khách quan hay nói một cách khác là sự phối hợp trách nhiệm của tất cả chúng ta.